

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HSST

Ngày: 30/05/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H1

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T và bà Vũ Thị T1.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung K1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H1: Ông Nguyễn Hữu Tuấn
A - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/HSST ngày 27/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 15/5/2023 và Thông báo hoãn phiên tòa số 17/2023/TB-TA, ngày 22/5/2023 đối với bị cáo: **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1978, giới tính nữ, tên gọi khác: không có. Sinh trú quán: thôn A, xã T2, huyện K2, tỉnh H1. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 05/12. Con ông: Nguyễn Văn T3, đã chết và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1950. Anh chị em: Gia đình có 03 anh, em, bị cáo là con thứ ba. Chồng: Vũ Thanh L, sinh năm 1978. Có 2 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2010.

- Tiền sự: Không

- Tiền án: Ngày 23/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện K2 xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 01 năm 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, về tội: Trộm cắp tài sản. Chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/9/2021.

- Nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện C1, thành phố H2, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H1. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***/ Bị hại:** Chị Lê Thị K3, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Trú tại: Khu P, thị trấn K, huyện K, tỉnh H1.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Vũ Thanh L, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

- Anh Vũ Hồng S, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Cùng trú tại: thôn A, xã T2, huyện K2, tỉnh H1.

***/Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn N, xã P1, huyện K, tỉnh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 19/02/2023, Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 ở thôn A, xã T2, huyện K2, tỉnh H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen - đỏ, biển số 89B1 - 834.21 trên đường đi bán chè, thuốc lá, khi đi qua lán bán Hng hoa quả tại khu vực Khu P, thị trấn K, huyện K của chị Lê Thị K3, sinh năm 1983 ở khu phố T3, thị trấn K, huyện K, H nhìn thấy có nhiều khay nhựa để ở phía sau lán bán hàng của chị K3 nên H đã dựng xe ở vị trí phía trước cửa lán, rồi đi bộ ra nhặt các khay này về để trồng cây. Lúc này, H quan sát thấy trong lán bán Hng của chị K3 có 01 túi bằng vải màu đen để ở dưới đất cạnh giường ngủ. Quan sát xung quanh chỉ có một cháu nhỏ đang ngủ trên giường (cháu Lê Nhật M1, sinh năm 2019 là con trai chị K3) nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi vải trên. Với ý định đó, H đi vào trong lán dùng tay phải cầm lấy chiếc túi, sau đó mang ra giấu chiếc túi này cạnh đồng gạch cách lán bán Hng của chị K3 khoảng 05 mét. H đi ra lấy xe mô tô quay lại cầm túi vải treo vào khung xe mô tô rồi điều khiển xe đi về nhà. Trên đường đi, H dừng xe tại khu vực đình Thôn N, xã P1, huyện K kiểm tra trong túi có số tiền 14.068.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên chị Lê Thị K3. H lấy toàn bộ số tiền 14.068.000 đồng, rồi rút chiếc túi vải cùng căn cước công dân của chị K3 xuống mương nước tại khu vực này. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe về nhà. Về đến nhà, H đã đưa cho anh Vũ Thanh L, sinh năm 1978 (chồng của H) số tiền 1.300.000 đồng để đi trả nợ và dùng số tiền 2.000.000 đồng mua đồ thực phẩm chức năng của một nam thanh niên (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đến nhà H tiếp thị sản phẩm.

Ngày 19/02/2023 chị Lê Thị K3 có đơn trình báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời rà soát và trích xuất 02 File video có liên quan đến vụ án tại nhà anh Phạm Văn H2 sinh năm 1994 và tại

nhà anh Dương Minh Đ, sinh năm 1991 đều ở thôn Phố Phủ, thị trấn K tiến hành niêm phong theo quy định.

Ngày 21/02/2023, Nguyễn Thị H đến Công an huyện K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Nguyễn Thị H đã giao nộp các đồ vật, tài sản gồm: số tiền 10.768.000 đồng là số tiền H đã trộm cắp; 01 mũ bảo hiểm, 01 áo vải dài tay và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen - đỏ, biển số: 89B1-834.21 là các đồ vật, phương tiện H mang mặc, sử dụng khi trộm cắp tài sản.

Ngày 21/02/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành cho H nhận diện hình ảnh người trong các File video đã thu giữ xác định hình ảnh người trong các File video chính là Nguyễn Thị H. Tiến hành cho H chỉ dẫn đến địa điểm thuộc Thôn N, xã P1, huyện K là nơi H vứt chiếc túi vải và căn cước công dân đã trộm cắp. Tại đây, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc túi vải màu đen, 01 căn cước công dân mang tên chị Lê Thị K3.

Ngày 21/02/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H ở thôn A, xã T2, huyện K2 nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản kết luận số 13/KL-HĐĐTGS ngày 16/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận: Trị giá chiếc túi vải màu đen tại thời điểm định giá tài sản ngày 19/02/2023 là: 160.000 đồng.

Ngày 23/02/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh H1 giám định 02 File video đã thu giữ. Tại bản Kết luận giám định số 37 ngày 23/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh H1, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 02 File video nêu trên.

+ *Về xử lý vật chứng*: Ngày 25/02/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại số tiền 10.768.000 đồng, 01 túi bằng vải màu đen và 01 căn cước công dân cho chị Lê Thị K3 là chủ sở hữu.

- Đối với 01 mũ bảo hiểm, 01 áo vải dài tay và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số: 89B1-834.21 đã thu giữ của H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

- Đối với anh Vũ Thanh L khi nhận số tiền 1.300.000 đồng do H đưa cho nhưng không biết nguồn gốc số tiền này do H trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

- Theo lời khai của H đã dùng số tiền 2.000.000 đồng do trộm cắp được mà có để mua thực phẩm chức năng của một nam thanh niên nhưng H không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xác minh, xử lý.

+ *Về trách nhiệm dân sự*: Ngày 08/3/2023, anh Vũ Hồng S, sinh năm: 1998 (là con trai của Nguyễn Thị H) đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho chị Lê Thị K3

số tiền 4.300.000 đồng. Chị K3 đã nhận tiền và không đề nghị giải quyết bồi thường trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số: 58/CT-VKSKC ngày 26/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H1 truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với Nguyễn Thị H.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b; s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ của bản án số 30/2021/HSST, ngày 23/7/2021 của TAND huyện K2, sau khi quy đổi và trừ 06 ngày tạm giữ, còn 01 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (21/02/2023).

Về trách nhiệm dân sự và về hình phạt bổ sung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a; b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 mũ bảo hiểm, 01 áo vải dài tay; trả lại anh Vũ Thanh L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số: 89B1- 834.21.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, việc giao nộp và thu thập tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã nêu phù hợp với Biên bản tiếp nhận người

phạm tội ra đầu thú (BL11); Đơn xin đầu thú của bị cáo (BL12) và lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra (BL 102 – 110; 136); phù hợp với lời khai của người bị hại (BL 52; 53; 94 - 96); lời khai của người làm chứng (BL 97), Biên bản nhận diện đồ vật của bị hại (BL 66), Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chồng và con của bị cáo (BL 98 – 101; 137; 138), phù hợp biên bản nhận diện qua Video (BL 62, 63) và Biên bản làm việc về việc chỉ dẫn vị trí (BL 64; 65) của chính bị cáo cùng các chứng cứ, tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 19/02/2023, tại lán bán hàng của chị Lê Thị K3 ở Khu P, thị trấn K, huyện K, lợi dụng sơ hở không có người trông coi trong lán, Nguyễn Thị H đã lén lút trộm cắp 01 chiếc túi sách màu đen giá trị 160.000 đồng, bên trong túi có số tiền 14.068.000 đồng và 01 căn cước công dân của chị K3. Tổng giá trị tài sản H đã trộm cắp là 14.228.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được Hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do lười lao động, muốn hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản với giá trị 14.228.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 58/CT-VKSKC ngày 26/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội danh và điều luật hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện C1, thành phố H2, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội: Trộm cắp tài sản.

[4] Về tiền án, tiền sự:

- Về tiền sự: Bị cáo không có tiền sự.

- Về tiền án: Ngày 23/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện K2 xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 01 năm 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, về tội: Trộm cắp tài sản. Chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/9/2021.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 23/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện K2 xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày cải tạo, còn phải thi hành 01 năm 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, về tội: Trộm cắp tài sản. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/9/2021, chưa được xóa án tích, ngày 19/02/2023 lại tiếp tục thực hiện hành vi

“Trộm cắp tài sản” với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; tại phiên tòa bị cáo ăn năn hối cải; bị cáo cùng gia đình bồi thường khắc phục hậu quả; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b; s khoản 1 khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, Hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an, gây hoang mang dao động và bất bình trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án do cũng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà coi thường kỷ cương, bất chấp pháp luật, nhằm hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản nên với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét thấy cần thiết phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết cho cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội. Buộc bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ của bản án số 30/2021/HSST, ngày 23/7/2021 của TAND huyện K2, sau khi quy đổi, được trừ 06 ngày tạm giữ (bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ) và 17 tháng 20 ngày cải tạo không giam giữ đã thi hành (từ ngày 01/9/2021 đến ngày tạm giữ, tạm giam 19/02/2023) của bản án số 30/2021/HSST, ngày 23/7/2021 của TAND huyện K2, thời gian bị cáo còn phải thi hành là: $(24 \text{ tháng} - 17 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} - 18 \text{ ngày})/3 = 01 \text{ tháng } 27,3 \text{ ngày tù}$ (làm tròn là 01 tháng 27 ngày tù).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị K3 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp gồm số tiền 10.768.000 đồng, 01 túi bằng vải màu đen và 01 căn cước công dân và anh Vũ Hồng S, sinh năm 1998 (là con trai của Nguyễn Thị H) đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho chị Lê Thị K3 số tiền 4.300.000 đồng, chị K3 đã nhận tiền, tài sản, các bên không yêu cầu giải quyết những vấn đề liên quan đến bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp, kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a; b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 mũ bảo hiểm, 01 áo vải dài tay do là vật dụng được bị cáo sử dụng thường xuyên hàng ngày không phải với mục đích để đi thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số: 89B1-834.21 đã thu giữ của H là tài sản thuộc sở hữu riêng của anh Vũ Thanh L, khi H sử dụng làm phương tiện để trộm cắp, anh L không biết nên cần trả lại tài sản cho anh L.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ – VKSKC ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K).

- Ngày 25/02/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại số tiền 10.768.000 đồng, 01 túi bằng vải màu đen và 01 căn cước công dân cho chị Lê Thị K3 là chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Đối với việc H có đưa cho anh Vũ Thanh L số tiền 1.300.000 đồng, nhưng anh L không biết nguồn gốc số tiền này do H trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

- Theo lời khai của H đã dùng số tiền 2.000.000 đồng do trộm cắp được mà có để mua thực phẩm chức năng của một nam thanh niên nhưng H không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xác minh, xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b; s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 02 (hai) 03 (tháng) tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ của bản án số 30/2021/HSST, ngày 23/7/2021 của TAND huyện K2, được trừ 06 ngày tạm giữ và 17 tháng 20 ngày cải tạo không giam giữ đã thi hành (từ ngày 01/9/2021 đến 21/02/2023), sau khi quy đổi, thời gian bị cáo còn phải thi hành là 01 tháng 27 ngày tù. Tổng hợp hình phạt,

buộc bị cáo phải chấp hành 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (21/02/2023).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a; b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị H 01 mũ bảo hiểm, 01 áo vải dài tay.
- Trả lại anh Vũ Thanh L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số: 89B1-834.21.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ – VKSKC ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (30/5/2023), bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh H1;
- VKSND tỉnh H1;
- Viện kiểm sát, Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- UBND tt K, T.
- Lưu: Hồ sơ, VP Tòa án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Tr